

Số: 83/2025/QĐ-UBND

Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở cho cá nhân, người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5310/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung một số Điều của Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở cho cá nhân, người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở cho cá nhân, người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

Điều 3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân được giữ nguyên theo đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế trước khi thành lập, sắp xếp theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025. *(Chi tiết Phụ lục đính kèm).*

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 được giữ nguyên theo đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế trước khi thành lập, sắp xếp theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025. *(Chi tiết Phụ lục đính kèm).*

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

Điều 5. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được giữ nguyên theo đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế trước khi thành lập, sắp xếp theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025. *(Chi tiết Phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung, từ, cụm từ tại Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 như sau:

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố Huế”

2. Thay thế cụm từ “tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “thành phố Huế”

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”

4. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”

5. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Thành ủy;
- HĐND; TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT thành phố;
- Đoàn ĐB Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố;
- Toà án Nhân dân thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: LĐ và CV: NE, GPMB, XD,
- Cổng Thông tin Điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu VT, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương